ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

TRẦN THỊ VÂN ANH

NGHIÊN CỨU GIẢI PHÁP XOÁ ĐÓI GIẢM NGHÈO CHO NÔNG HỘ Ở HUYỆN SƠN ĐỘNG - BẮC GIANG

Chuyên ngành: KINH TẾ NÔNG NGHIỆP
Mã số : 60.31.10

LUẬN VĂN THẠC SỸ KINH TẾ

Người hướng dẫn khoa học: **TS. PHẠM THỊ LÝ**

THÁI NGUYÊN - 2011

Số hóa bởi Trung tâm Học liệu – Đại học Thái Nguyên *http://www.lrc-tnu.edu.vn*

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan số liệu và kết quả nghiên cứu trong luận văn là hoàn toàn trung thực, và chưa từng được sử dụng hoặc công bố trong bất kỳ một công trình nào khác.

Tôi xin cam đoan rằng mọi sự giúp đỡ cho việc thực hiện luận văn này đã được cảm ơn và thông tin trích dẫn trong luận văn được ghi rõ nguồn gốc.

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2011

Tác giả luận văn

Trần Thị Vân Anh

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành đề tài tốt, ngoài sự cố gắng của bản thân, tôi đã nhận được rất nhiều sự giúp đỡ nhiệt tình của thầy cô, bạn bè và người thân.

Trước tiên tôi xin bầy tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới cô giáo TS. Phạm Thị Lý trường Đại học Kinh tế & QTKD Thái nguyên đã tận tình hướng dẫn giúp đỡ tôi trong quá trình thực hiện đề tài và hoàn thành luận văn này.

Tôi xin gửi lời cảm ơn tới các thầy giáo cô giáo khoa sau đại học Trường Đại học Kinh tế & QTKD Thái nguyên.

Tôi cũng xin được cảm ơn ban giám hiệu, các thầy giáo cô giáo trường Đại học Kinh tế & QTKD Thái nguyên đã nhiệt tình giúp đỡ và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho tôi trong thời gian thực hiện đề tài.

Bên cạnh đó tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành tới tất cả người thân, bạn bè và những người luôn luôn bên cạnh tôi trong quá trình thực tập và thực hiện luận văn này.

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2011

Tác giả luận văn

Trần Thị Vân Anh

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....1
1. Tính cấp thiết của đề tài 1
2. Mục tiêu nghiên cứu..... 2
2.1. Mục tiêu chung 2
2.2. Mục tiêu cụ thể 2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu..... 2
3.1. Đối tượng nghiên cứu 2
3.2. Phạm vi nghiên cứu 3
4. Phương pháp nghiên cứu..... 3
4.1. Câu hỏi nghiên cứu 3
4.2. Các phương pháp nghiên cứu..... 3
4.3. Hệ thống các chỉ tiêu phân tích 7
5. Kết cấu của luận văn 8
Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ ĐÓI NGHÈO VÀ XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO.....9
1.1. Cơ sở lý luận của đề tài.....9
1.1.1. Quan niệm về đói nghèo 9
1.1.2. Quan điểm nghèo đói của Việt Nam.....10
1.1.3. Tiêu chí đánh giá nghèo đói 11
1.2. Cơ sở thực tiễn của đề tài.....13
1.2.1. Tình hình nghèo đói trên thế giới.....13
1.2.2. Kinh nghiệm xoá đói giảm nghèo của Trung Quốc 14
1.2.3. Kinh nghiệp xóa đói giảm nghèo của Hàn Quốc 15
1.2.4. Kinh nghiệm xoá đói giảm nghèo của Malaysia.....16
1.2.5. Kinh nghiệm xóa đói giảm nghèo của Việt Nam.....18
1.2.6. Nguyên nhân dẫn đến đói nghèo ở Việt Nam.....24
1.2.7. Những giải pháp trong chiến lược xoá đói giảm nghèo ở Việt Nam 28

Chương 2. THỰC TRẠNG NGHÈO ĐÓI VÀ XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO CHO NÔNG HỘ Ở HUYỆN SƠN ĐỘNG - BẮC GIANG.....29
2.1. Tình hình cơ bản của huyện Sơn Động.....29
2.1.1. Đặc điểm điều kiện tự nhiên 29
2.1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội của huyện Sơn Động.....32
2.1.3. Phân tích SWOT trong phát triển kinh tế thực hiện giảm nghèo của huyện Sơn Động 34
2.1.4. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội huyện Sơn Động 2010 36
2.2. Thực trang nghèo đói của huyện Sơn Động.....39
2.2.1. Thực trạng nghèo đói của huyện.....39
2.2.2. Những chính sách thực hiện giảm nghèo ở huyện Sơn Động trong thời gian qua.....41
2.2.3. Thực trạng phát triển sản xuất và nghèo đói của nhóm hộ điều tra 45
2.2.4. Phân tích nguyên nhân, hậu quả ảnh hưởng đến nghèo đói của hộ gia đình.....60
2.2.5. Đánh giá ảnh hưởng của các nhân tố tới thu nhập của hộ bằng hàm sản xuất Cobb - Douglas 68
2.2.6. Kết luận về nguyên nhân tác động đến sản xuất của hộ 72
Chương 3. PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU VÀ CÁC GIẢI PHÁP XOÁ ĐÓI GIẢM NGHÈO CHO NÔNG HỘ HUYỆN SƠN ĐỘNG - BẮC GIANG.....74
3.1. Quan điểm và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội huyện Sơn Động giai đoạn 2011 - 2020 74
3.1.1. Quan điểm phát triển.....74
3.1.2. Mục tiêu phát triển 75
3.2. Định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực trong giai đoạn 2011 - 2015, 2016 - 2020 76
3.2.1. Phương hướng phát triển ngành nông - lâm - thủy sản.....76
3.2.2. Phương hướng phát triển ngành công nghiệp - xây dựng.....76
3.2.3. Phương hướng phát triển ngành dịch vụ.....76
3.3. Một số giải pháp xoá đói giảm nghèo cho hộ nông dân 76

3.3.1. Giải pháp về vốn 77
3.3.2. Giải pháp về vấn đề đất đai, nhà ở 77
3.3.3. Tổ chức tập huấn khoa học kỹ thuật cho người dân 78
3.3.4. Phát triển các ngành nghề phụ trong nông thôn 79
3.3.5. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp - nông thôn 79
3.3.6. Bài trừ các tệ nạn xã hội 80
3.3.7. Phát triển sản xuất trồng trọt 81
3.3.8. Phát triển chăn nuôi 81
3.3.9. Phát triển nghề rừng 82
3.3.10. Giải pháp về thị trường 82
KẾT LUẬN 84
TÀI LIỆU THAM KHẢO 86
PHỤ LỤC 88

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU, CHỮ VIẾT TẮT

TT	Nội dung	Ký hiệu, viết tắt
1	Đồng Đô la Mỹ	USD
2	Đồng Việt Nam đồng	VND
3	Hàm sản xuất Cobb - Douglas	CD
4	Lao động	LĐ
5	Lao động - Thương binh - Xã hội	LĐ - TB - XH
6	Ngân hàng phát triển Châu Á	ADB
7	Tổng thu nhập quốc nội	GDP
8	Sản xuất	SX
9	Cán bộ công nhân viên	CBCNV
10	Hợp tác xã	HTX
11	Nhà xuất bản	NXB
12	Doanh nghiệp	DN
13	Nông nghiệp	NN

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1. Chuẩn nghèo qua các giai đoạn 13
Bảng 1.2. Tỷ lệ nghèo đói bình quân các vùng của Việt nam qua các năm 19
Bảng 2.1. Tình hình sử sụng quỹ đất của huyện Sơn Độngnăm 2010 31
Bảng 2.2. Nhân khẩu và lao động của huyện Sơn Động, 2010 33
Bảng 2.3. Tình hình sản xuất lương thực của huyện, 2009 - 2010 37
Bảng 2.4. Cơ cấu kinh tế huyện Sơn Động, 2008 - 2010..... 38
Bảng 2.5. Thực trạng nghèo đói của huyện Sơn Động 40
Bảng 2.6. Thông tin chung về chủ hộ điều tra, Sơn Động năm 2010 45
Bảng 2.7. Tình hình dân tộc của nhóm hộ điều tra,Sơn Động 2010 46
Bảng 2.8. Tình hình nhân khẩu và lao động của nhóm hộ điều tra, 2010 47
Bảng 2.9. Tình hình đất đai của nhóm hộ điều tra, 2010 48
Bảng 2.10. Tình hình trang bị tài sản phục vụ đời sống của hộ, 2010..... 49
Bảng 2.11. Tình hình trang bị tài sản phục vụ sản xuất của hộ, 2010 50
Bảng 2.12. Phân tổ thu nhập theo nhóm hộ điều tra, 2010 52
Bảng 2.13. Các nguồn thu của nhóm hộ điều tra, Sơn Động 2010 54
Bảng 2.14. Kết quả sản xuất ngành trồng trọt của hộ 58
Bảng 2.15. Tình hình sản xuất ngành chăn nuôi của hộ, 2010 59
Bảng 2.16. Tổng hợp nguyên nhân dẫn đến đói nghèo của hộ điều tra, 2010 60
Bảng 2.17. Tình hình đất đai phục vụ sản xuất của hộ 63
Bảng 2.18: Tình hình vốn và vốn vay của hộ 64
Bảng 2.19. Tổng hợp kinh nghiệm sản xuất của hộ, 2010..... 66
Bảng 2.20. Lao động của nhóm hộ điều tra, 2010 67
Bảng 2.21: Thu nhập từ làm thuê của hộ điều tra, 2010 68
Bảng 2.22. Kết quả hàm sản xuất Cobb-Douglas 69

DANH MỤC CÁC ĐỒ THỊ

Đồ thị 2.1: Có cấu kinh tế huyện Sơn Động, 2008 - 2010 39
Đồ thị 2.2: Đường cong Lorenz 53
Đồ thị 2.3: Biểu đồ biểu diễn thu nhập của nhóm hộ điều tra 57

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Kinh tế Việt Nam tăng trưởng diễn ra nhanh trong suốt thập niên 90 và những năm của thập niên 2000; công cuộc giảm nghèo triển khai mạnh mẽ từ những năm 1993 đã đem đến kết quả rất tốt về giảm nghèo. Tỷ lệ nghèo giảm mạnh từ 58% năm 1993 xuống còn 38% năm 1998; 18,1% năm 2004; 15,5% năm 2006, 14,87% năm 2007 và 11% năm 2009. Trong vòng 15 năm qua Việt Nam đã giảm 3/4 số người nghèo, bước vào năm 2009 thu nhập bình quân theo đầu người vượt mức 1000USD; đời sống của đại đa số người dân được cải thiện đáng kể, nhất là nhóm hộ nghèo.

Tuy nhiên, trong giai đoạn này các huyện có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống có tỷ lệ nghèo cao, tốc độ giảm nghèo vẫn diễn ra chậm. Tình trạng nghèo khổ, tuổi thọ, tình trạng dinh dưỡng và những chỉ số đo lường mức sống khác ở vùng đồng bào dân tộc vẫn còn ở mức thấp mặc dù có rất nhiều chính sách, chương trình đã được đưa vào thực hiện nhằm hỗ trợ các huyện này và đồng bào dân tộc thiểu số. Tình trạng nghèo của nhóm dân tộc thiểu số cao gấp 4,5 lần so với người Kinh và người Hoa, trong khi đồng bào dân tộc thiểu số chỉ chiếm tới 14% dân số cả nước nhưng số người nghèo lại chiếm 36% tổng số người nghèo vào năm 2005. Sự giảm nghèo của các huyện vùng cao, đồng bào dân tộc thiểu số diễn ra chậm hơn các huyện trung du, đồng bằng. Tính đến cuối năm 2006 cả nước có 58 huyện có tỷ lệ nghèo cao gấp 3,5 lần tỷ lệ nghèo chung của cả nước, thu nhập bình quân đầu người ở các huyện này đạt từ 2,3-4,3 triệu đồng/năm chỉ bằng 1/3 mức bình quân đầu người chung của cả nước. Đầu năm 2007 bổ sung thêm 03 huyện do mới chia tách và tái nghèo, nâng tổng số lên 61 huyện có tỷ lệ nghèo cao trong cả nước. Và tới năm 2009 con số huyện nghèo cả nước đã tăng lên 62 huyện. Vấn đề đặt ra là cần phải có giải pháp gì hỗ trợ các huyện nghèo để đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội, về thu nhập, mức sống giữa các huyện này với các địa phương khác trong nước.